TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 02 – 2024
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dài.

2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, 28 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1993.

Địa chỉ HKTT: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chổ ở hiện nay: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Trần Tấn P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt; anh Trần Tấn P vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa, có văn bản trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh P được mai mối, sau đó tự nguyện tìm hiểu được vài tháng thì được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào giữa năm 2018,

có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2019 tại UBND xã T. Sau khi cưới thì chị T và anh P về chung sống với cha mẹ anh P tại ấp T, xã T. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng đến khi con chung được hơn 01 tuổi vào năm 2020 thì chị T và anh P bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, lý do anh P đi làm mà không đưa tiền cho chị T chăm lo sinh hoạt gia đình và nuôi con, chị T và anh P có cự cãi với nhau nhiều lần, có vài lần anh P đánh chị T (chỉ có bạt tay mà không gây thương tích). Chị T có trao đổi với anh P nhưng anh P không thay đổi. Do chị T và anh P cự cãi nhiều lần và ngày càng nghiêm trọng nên khoảng tháng 02/2023 thì cha mẹ chị T có lên nhà cha mẹ anh P để hai bên trao đổi, nhưng vẫn không hàn gắn được cho chị T và anh P. Cha mẹ anh P và anh P đồng ý cho chị T mang con về nhà cha mẹ chị T nên từ tháng 02/2023 thì chị T mang con về nhà cha mẹ chị T tại ấp B, xã B sinh sống và anh chị sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thì anh P có thăm con được 04 lần mà không có cấp dưỡng nuôi con, cũng không có đề nghị hàn gắn với chị T, gia đình hai bên cũng không có khuyên bảo hàn gắn. Chị T và anh P rất ít liên hệ với nhau, chị T cũng không có ý định hàn gắn với anh P. Hiện nay chị T và anh P đều đã có cuộc sống riêng, chị T không còn tình cảm với anh P nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 19/6/2019 và yêu cầu anh Trần Tấn P cấp dưỡng cho cháu K với mức cấp dưỡng hàng tháng là ½ tháng lương cơ sở, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu K thành niên đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Tấn P:* Bị đơn anh P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa hòa giải 02 lần, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh P vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, cũng không tham dự phiên họp – hòa giải 02 lần và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh P đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trần Tấn P. Về con chung: Giao con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 19/6/2019 cho chị T được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu K thành niên đủ 18 tuổi. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K, với mức cấp dưỡng hàng tháng là ½ tháng lương cơ sở, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02/2024. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy CCCD của chị Nguyễn Thị Ngọc T (Bản photo);

- Trích lục kết hôn của anh Trần Tấn P với chị Nguyễn Thị Ngọc T; Giấy khai sinh cháu Trần Minh K (Bản sao);

- Biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị Ngọc T ngày 14/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình;

- Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 29/11/2023 của chị Nguyễn Thị Ngọc T ngày (Bản chính);

- Văn bản xác minh v/v cư trú đối với anh Trần Tấn P ngày 03/01/2024 của Công an xã T (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Trần Tấn P cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Tấn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có cung cấp ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh P theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều

21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Trần Tấn P.

Hôn nhân giữa anh P và chị T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T xác định trong quá trình chung sống đến năm 2020 thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P không chăm lo cho gia đình, không chu cấp tiền cho chị T nuôi con và có đánh chị T, cãi vả với chị. Đến tháng 02/2023, do anh P vẫn không thay đổi nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2023 đến nay mà không hàn gắn, đoàn tụ tình cảm với nhau được.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Hiện nay chị T xác định không muốn hàn gắn, đoàn tụ với anh P, không còn tình cảm với anh P. Anh P đã được Tòa án thông báo về phiên họp – hòa giải 02 lần để tạo điều kiện cho anh chị hòa giải đoàn tụ, nhưng anh P không đến, cho thấy anh P không muốn hàn gắn, đoàn tụ với chị T. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

Do đó, chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Trần Tấn P là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị T xác định chị T và anh P có một con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 19/6/2019. Chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu K đến khi cháu K đủ 18 tuổi và chị T yêu cầu anh P cấp dưỡng cho cháu K với mức cấp dưỡng hàng tháng là ½ tháng lương cơ sở, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu K thành niên đủ 18 tuổi. Anh P không cung cấp cho Tòa án ý kiến, yêu cầu đối với con chung.

Xét thấy, chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K từ tháng 02/2023 đến nay, chị T đã làm tròn nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K.

Khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu K, xét thấy không cần thiết làm thay đổi hoàn cảnh sống ổn định của cháu K, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi cháu K của chị T, là phù hợp theo quy định của pháp luật; anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K do chị T có yêu cầu anh P cấp dưỡng cho cháu K, với mức cấp dưỡng hàng tháng là ½ tháng lương cơ sở, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, là phù hợp quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Trần Tấn P không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn; anh Trần Tấn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trần Tấn P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 19/6/2019

cho chị Nguyễn Thị Ngọc T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Trần Minh K thành niên đủ 18 tuổi. Anh Trần Tấn P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K, với mức cấp dưỡng hàng tháng là ½ tháng lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2024 đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Trần Tấn P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Trần Tấn P không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Trần Tấn P.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Tấn P không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000348 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Tấn P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Thạnh (Đăng ký kết hôn số 38, ngày 18/3/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trang